

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN HÓC MÔN
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 1472/2022/HNGĐ-ST

Ngày: 30/9/2022

V/v ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÓC MÔN, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Đỗ Thị Phương Nam

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Bà Nguyễn Thị Kim Liên

2. Ông Dương Văn Quý

- Thư ký phiên tòa: Bà Trần Thị Nguyệt Nga – Thư ký tòa án

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Quang Tuấn – Kiểm sát viên.

Trong ngày 30 tháng 9 năm 2022, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân gia đình thụ lý số 340/2021/TLST-HNGĐ ngày 13/4/2021 về việc “Ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 339/2022/QĐXXST-HNGĐ ngày 22/8/2022 và Quyết định hoãn phiên tòa số 309/2022/QĐST-HNGĐ ngày 12/9/2022, giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Bà Nguyễn Thị Kim T (vắng mặt)

Địa chỉ: F ấp T, xã T1, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

2. *Bị đơn:* Ông Nguyễn Minh Th (vắng mặt)

Địa chỉ: F ấp T, xã T1, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, biên bản về kiểm tra việc giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ, biên bản không tiến hành hòa giải được, nguyên đơn bà Nguyễn Thị Kim T trình bày:

Bà T và ông Nguyễn Minh Th tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 14/4/1997 tại UBND xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Sau khi xây dựng gia đình, vợ chồng chung sống tại nhà chồng, sau đó là ở tại nhà riêng ở F ấp T, xã T1, huyện H, thành phố Hồ Chí Minh. Từ năm 2018, giữa vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân do ông Th không quan tâm đến bà, hay xúc phạm bà, thậm chí là đánh bà, hai vợ chồng không còn tiếng nói chung. Mặc dù hiện tại vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng vợ chồng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm, chăm sóc lẫn nhau. Bà T vì thương con nên đã cố gắng hàn gắn gia đình nhiều lần nhưng không có kết quả. Nay bà T nhận thấy vợ chồng không còn tình cảm yêu thương, quan tâm, chăm sóc lẫn nhau và mỗi người đều có cuộc sống riêng nên bà T yêu cầu ly hôn với ông Th.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh T1 (sinh ngày 25/10/1997) đã trưởng thành, Nguyễn Minh N (sinh ngày 30/11/2004). Bà T không yêu cầu Tòa án giải quyết về con chung là cháu Minh T1 do cháu đã trưởng thành. Bà T yêu cầu trực tiếp nuôi dưỡng con chung là cháu Minh N, không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Theo bản tự khai, bị đơn ông Nguyễn Minh Th trình bày:

Ông Th và bà T tự nguyện chung sống với nhau và có đăng ký kết hôn ngày 14/4/1997 tại UBND xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông Th không đồng ý ly hôn với bà T vì ông Th thương con không có đủ cha và mẹ.

Về con chung: Có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh T1 (sinh ngày 25/10/1997) đã trưởng thành, Nguyễn Minh N (sinh ngày 30/11/2004). Vì ông Th không đồng ý ly hôn nên không có ý kiến về vấn đề con chung

Về tài sản chung: Không yêu cầu tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hóc Môn phát biểu ý kiến:

- Về thủ tục tố tụng dân sự: Trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã tuân thủ đúng pháp luật tố tụng dân sự về thụ lý vụ án, xác định tư cách đương sự, thu thập chứng cứ, hòa giải, tổng đạt đầy đủ các văn bản tố tụng. Tuy nhiên, Tòa án còn vi phạm về thời hạn chuẩn bị xét xử. Tại phiên tòa, Hội đồng xét xử áp dụng, tuân thủ đúng trình tự thủ tục tố tụng. Những người tham gia tố tụng chấp hành đúng quy định pháp luật tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của bà Nguyễn Thị Kim T .

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[2] Về quan hệ tranh chấp và thẩm quyền giải quyết vụ án: Đây là tranh chấp ly hôn và bị đơn cư trú tại huyện Hóc Môn tại thời điểm thụ lý vụ án nên vụ án thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh theo qui định tại khoản 1 Điều 28; điểm a, khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[3] Toà án đã triệu tập, tổng đạt Quyết định đưa vụ án ra xét xử và Quyết định hoãn phiên tòa hợp lệ nhưng bị đơn đều vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn xin vắng mặt tại phiên tòa ngày 30/9/2022. Vì vậy, Toà án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn, bị đơn theo quy định tại Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

[4] Về quan hệ hôn nhân: Bà Nguyễn Thị Kim T và Ông Nguyễn Minh Th chung sống với nhau có đăng ký kết hôn. Theo Trích lục kết hôn số 411/TLKH-BS do UBND xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn, Tp.Hồ Chí Minh cấp ngày 31/5/2019 thì bà T và ông Th có đăng ký kết hôn tại Ủy ban xã Tân Hiệp, huyện Hóc Môn số 15 ngày 14/4/1997. Vì vậy, đủ cơ sở xác định quan hệ hôn nhân giữa bà T và ông Th là hôn nhân hợp pháp.

[5] Xét yêu cầu ly hôn của bà T: Theo lời trình bày của bà T từ năm 2018, giữa vợ chồng bà phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân của sự mâu thuẫn là do vợ chồng không có tiếng nói chung, ông Th không quan tâm đến bà T, hay xúc phạm bà T. Hiện nay, vợ chồng vẫn sống chung nhà nhưng đã sống ly thân, mạnh ai nấy sống, không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau. Mặc dù, tại Tòa án ông Th khai không đồng ý ly hôn với bà T nhưng trong quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải, phiên tòa nhưng ông Th vẫn không đến Tòa án tham gia hòa giải, tham gia phiên tòa. Vì vậy, Tòa án không thể tiến hành hòa giải để vợ chồng đoàn tụ. Hiện nay, bà T vẫn giữ nguyên yêu cầu ly hôn với ông Th. Từ đó, Hội đồng xét xử nhận định hôn nhân của bà T và ông Th đang ở trong tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Hội đồng xét xử căn cứ Điều 51, Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình để chấp nhận cho bà T được ly hôn với ông Th.

[6] Về con chung: Bà T và ông Th có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh T1 (sinh ngày 25/10/1997), Nguyễn Minh N (sinh ngày 30/11/2004). Đối với Nguyễn Thị Minh T1 đã trưởng thành, bà T và ông Th không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét. Bà T yêu cầu được trực tiếp nuôi dưỡng cháu N. Căn cứ quy định tại Điều 81 Luật Hôn nhân và gia đình, trên cơ sở xem xét quyền lợi về mọi mặt của con chưa thành niên cũng như nguyện vọng của cháu N, Hội đồng xét xử quyết định giao cháu N cho bà T trực tiếp nuôi dưỡng.

[7] Về cấp dưỡng nuôi con: Bà T không yêu cầu ông Th cấp dưỡng nuôi con, ông Th không có ý kiến về cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử quyết định hoãn cấp dưỡng nuôi con cho ông Th cho đến khi có yêu cầu.

[8] Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[9] Về nợ chung: Các đương sự không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[10] Về án phí: Án phí ly hôn là 300.000đồng, bà T chịu, nộp tại Chi cục thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 28, Điều 35, Điều 39, Điều 227, Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và Gia đình năm 2014;

Căn cứ Luật thi hành án dân sự năm 2008 (được sửa đổi, bổ sung năm 2014);

Căn cứ điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí tòa án; Danh mục án phí, lệ phí tòa án được ban hành kèm theo Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016.

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận cho bà Nguyễn Thị Kim T được ly hôn với ông Nguyễn Minh Th.

2. Về con chung: Bà T và ông Th có 02 con chung tên Nguyễn Thị Minh T1 (sinh ngày 25/10/1997), Nguyễn Minh N (sinh ngày 30/11/2004). Nguyễn Thị Minh T1 đã

trưởng thành. Giao con chung tên Nguyễn Minh N (sinh ngày 30/11/2004) cho bà Nguyễn Thị Kim T trực tiếp nuôi dưỡng.

Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con của ông Nguyễn Minh Th cho đến khi có yêu cầu.

Khi cần thiết, các bên có quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con cũng như việc cấp dưỡng nuôi con.

Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về tài sản chung và nợ chung: Đương sự không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

4. Về án phí sơ thẩm: Bà T phải nộp án phí ly hôn là 300.000đồng, và được trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000đồng mà bà T đã nộp theo biên lai số AA/2019/0074865 ngày 13/4/2021 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh.

5. Về quyền kháng cáo: Nguyên đơn, bị đơn không có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận :

- Các đương sự;
- VKSND H.Hóc Môn;
- Chi cục THADS H.Hóc Môn;
- UBND xã Tân Hiệp, H.Hóc Môn;
- Lưu: hồ sơ.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Đỗ Thị Phương Nam